

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 02 - 2018

V/v tranh chấp “ ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hà.
2. Ông Nguyễn Văn Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 27 và ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017, về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Th, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp H M A, xã A Tr, huyện Đ H, tỉnh B L.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Hoàng X, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T Ph B, xã T A Kh Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Văn T (vắng mặt).

Bà Trần Thu H (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp T Ph B, xã T A Kh Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ông Lý Hoàng L (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T Đ B, xã T A Kh, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ông Cao Văn Đ (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp H M A, xã A Tr, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Huỳnh Thị Th (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp H D, xã A Tr, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện cũng như trong quá giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị Th trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Th và anh Huỳnh Hoàng X chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó chị Th phát hiện anh X có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh chị đã ly thân được 02 năm nên chị Th yêu cầu được ly hôn với anh X.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Châu Đ, sinh ngày 17/8/2006 và Huỳnh Hoài B, sinh ngày 16/6/2008, hiện nay hai con đang sống chung với cha mẹ chồng chị. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi cháu Ch Đ, đồng ý giao cháu H B cho anh X nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 39 chỉ vàng 24k từ việc nuôi cá sấu, sau đó chị Th bán 30 chỉ vàng 24k gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Cà Mau với số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 09 chỉ vàng 24k chị Th bán để trị bệnh và lo cho hai con ăn học. Chị Th xác định số vàng và tiền trên không còn, chị không đặt ra vấn đề phân chia. Ngoài ra chị Th cho rằng vợ chồng không còn tài sản chung nào khác.

Chị Th yêu cầu anh X, ông T và bà H trả cho chị công sức đóng góp trong 12 năm làm dâu với tổng số tiền 219.000.000 đồng, vì trong thời gian 12 năm làm dâu chị nấu cơm, giặt quần áo và đi xỏ vuông cho gia đình chồng.

Về vợ chồng nợ người khác: Chị Th xác định trong thời gian anh chị ly thân chị có vay của ông Lý Hoàng L số tiền 20.000.000 đồng, vay của ông Cao Văn Đ số tiền 30.000.000 đồng, vay của bà Huỳnh Thị Th số tiền 40.000.000 đồng. Nhưng hiện tại chị Th đã thanh toán xong các khoản nợ trên.

Về người khác nợ vợ chồng: Không có.

** Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Huỳnh Hoàng X trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, việc không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn anh X thừa nhận chị Th trình bày là đúng. Anh X cho rằng anh chị ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Anh X đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh X thống nhất với lời trình bày của chị Th về vấn đề nuôi con và việc không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh X xác định trong thời gian vợ chồng chung sống có tạo lập được 06 chỉ vàng 24k và số tiền gửi tiết kiệm 100.000.000 đồng như chị Th trình bày. Khi ly hôn đối với 06 chỉ vàng 24k, anh X đồng ý giao cho chị Th hưởng toàn. Đối với số tiền 100.000.000 đồng anh X yêu cầu chia đôi, mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$.

Đối với yêu cầu trả công sức đóng góp của chị Th, anh X không đồng ý.

Về vợ chồng nợ người khác: Đối với các khoản nợ chị Th đặt ra anh X không thừa nhận vì anh X cho rằng thời gian vợ chồng chung sống có tiền dư gửi tiết kiệm nên không thể đi hỏi vay tiền của người khác và số nợ trên phát sinh sau khi anh chị đã ly thân với nhau, anh X hoàn toàn không biết. Mặt khác những người cho chị Th hỏi vay tiền đều là bà con ruột của chị Th.

Về người khác nợ lại vợ chồng: anh X xác định không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thu H trình bày: Bà và ông T có 02 miếng vuông, khi cưới chị Th về làm dâu được vài tháng thì bà cho anh X và chị Th

nuôi cua, còn ông bà thì bắt tôm, ngoài ra chị Th và anh X còn nuôi cá sấu có thu nhập riêng. Thời gian kéo dài hơn 12 năm, đến khi chị Th và anh X ly thân bà và ông T vẫn cho chị Th tiếp tục ở lại và nuôi cua riêng. Còn việc ăn uống trong gia đình do ông bà chi tiêu, kể cả việc lo cho chị Th đi trị bệnh, con chị Th và anh X đi học, ông bà cũng lo toàn bộ. Nên bà không đồng ý theo yêu cầu của chị Th.

Ông Huỳnh Văn T có văn bản giải trình không đồng ý theo yêu cầu của chị Th.

* Theo đơn giải trình đứng tên Lý Hoàng L ngày 27 tháng 11 năm 2017 thể hiện: Trước đây, ông L có cho chị Th mượn hai lần với số tiền 20.000.000 đồng. Lần thứ nhất vào tháng 10 năm 2016 ông L cho chị Th mượn 10.000.000 đồng để trị bệnh ở Cà Mau. Lần thứ hai vào cuối năm 2016 ông cho chị Th mượn thêm 10.000.000 đồng. Đến năm 2017 chị Th đã trả số tiền đã mượn cho ông. Ông L yêu cầu xin từ chối tham gia tố tụng với lý do bận việc gia đình.

* Theo đơn yêu cầu đứng tên Huỳnh Thị Th ngày 11/12/2017 thể hiện: Trước đây, bà Th có cho chị Th mượn nhiều lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng, nhưng do thời gian đã lâu nên không nhớ cụ thể thời gian và số tiền mỗi lần cho mượn là bao nhiêu. Khi cho mượn, hai bên không có làm biên nhận, nhưng có thỏa thuận miệng khi nào chị Th có tiền sẽ trả lại. Chị Th đã trả cho bà số tiền đã mượn. Bà Th yêu cầu xin từ chối tham gia tố tụng với lý do bận việc gia đình.

* Theo đơn yêu cầu đứng tên Cao Văn Đ ngày 11/12/2017 thể hiện: Trước đây, bà Th có cho chị Th mượn nhiều lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng, nhưng do thời gian đã lâu nên không nhớ cụ thể thời gian và số tiền mỗi lần cho mượn là bao nhiêu. Khi cho mượn, hai bên không có làm biên nhận, nhưng có thỏa thuận miệng khi nào tôi sang đất chị Th sẽ trả lại. Chị Th đã trả cho ông số tiền đã mượn. Ông Đ yêu cầu xin từ chối tham gia tố tụng với lý do bận việc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Ông Huỳnh Văn T, ông Lý Hoàng L, ông Cao Văn Đ và bà Huỳnh Thị Th có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, ông L, ông Đ và bà Th là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Huỳnh Thị Th và anh Huỳnh Hoàng X chung sống với nhau vào năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng”. Do đó, hôn nhân của chị Th và anh X không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Chị Th và anh X có hai người con chung tên Huỳnh Châu Đ, sinh ngày 17/8/2006 và Huỳnh Hoài B, sinh ngày 16/6/2008. Tại biên bản hòa giải ngày 02

tháng 8 năm 2017 cũng như tại phiên tòa, chị Th và anh X đều thống nhất giao cháu Châu Đ cho chị Th nuôi dưỡng và giao cháu Hoài B cho anh X nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Th và anh X đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung nên việc chị Th và anh X thống nhất giao cháu Đ cho chị Th nuôi dưỡng và giao cháu B cho anh X nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận. Mặt khác tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu Châu Đ và cháu Hoài B thể hiện nguyện vọng của cháu Châu Đ là được sống với chị Th, cháu Hoài B sống với anh X. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị Th nuôi dưỡng và giao cháu B cho anh X nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Th xác định tài sản chung của vợ chồng có 09 chỉ vàng 24k và số tiền gửi tiết kiệm 100.000.000 đồng. Nhưng hiện tại số tiền và vàng trên không còn nên chị Th không đặt ra yêu cầu phân chia.

Anh X xác định tài sản chung của vợ chồng có 06 chỉ vàng 24k và số tiền 100.000.000 đồng. Đối với 06 chỉ vàng 24k, anh X không đặt ra yêu cầu phân chia. Đối với 100.000.000 đồng, anh X yêu cầu chia đôi mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Đối với số vàng mặc dù chị Th và anh X trình bày không phù hợp với nhau nhưng do anh X tự nguyện giao số vàng trên cho chị Th được hưởng, chị Th thống nhất với lời trình bày của anh X nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng, chị Th cho rằng trong thời gian anh chị ly thân chị đi điều trị bệnh và lo cho con ăn học nên số tiền trên không còn là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị Th đi điều trị bệnh hai lần, lần thứ nhất vào thời gian khoảng tháng 01 năm 2016 và lần thứ hai vào khoảng tháng 11 năm 2016. Tại công văn số 1062 ngày 21/8/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Cà Mau thể hiện vào ngày 01/7/2016 chị Th mở tài khoản gửi tiết kiệm với số tiền 100.000.000 đồng, ngày 04/7/2017 chị Th đến lĩnh số tiền lãi 6.500.000 đồng, đến ngày 07/7/2017 chị Th đến Ngân hàng đóng sổ và nhận lại số tiền gửi 100.000.000 đồng và số tiền 5.000 đồng tiền lãi. Như vậy, xác định khi anh chị ly thân thì số tiền tiết kiệm trên vẫn còn và cũng phù hợp với lời trình bày của anh X và chị Th tại phiên tòa.

Tuy nhiên, việc chị Th bị bệnh và đi điều trị là thực tế có, điều đó được anh X thừa nhận. Ngoài ra trong thời gian anh chị ly thân, chị Th một mình lo cho hai con ăn học. Mặt khác, mặc dù hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng nhưng việc gây ra đổ vỡ hạnh phúc gia đình cũng do lỗi của anh X. Do đó, trong quá trình phân chia tài sản chung của vợ chồng, Hội đồng xét xử có xem xét toàn diện các vấn đề trên.

Đối với chị Th mặc dù việc chị bị bệnh và đi điều trị thực tế là có nhưng do chị không cung cấp được các toa vé điều trị cụ thể bao nhiêu tiền nên Hội đồng xét xử không

xem xét đến chi phí thuốc men chị đi điều trị. Nhưng có xem xét đến chi phí thực tế đi tàu xe và chi phí ăn uống khi chị đi điều trị bệnh là 5.000.000 đồng.

Đối với chi phí lo cho hai con ăn học trong thời gian anh chị ly thân được tính cụ thể như sau:

Tiền đồ đi học của hai cháu trong thời gian 02 năm: 70 tuần x 5 ngày x 50.000đồng/ngày = 17.500.000 đồng.

Tiền sữa cho hai cháu: 500.000 đồng/tháng x 24 tháng = 12.000.000 đồng.

Tiền chi phí đi học của hai cháu: 1.000.000 đồng/năm x 02 năm = 2.000.000 đồng.

Dụng cụ đi học của hai cháu trong 02 năm = 5.000.000 đồng.

Quần áo, giày dép của hai cháu trong 02 năm = 8.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản là: 49.500.000 đồng.

Như vậy, tài sản chung của chị Th và anh X được tính như sau: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) – 49.500.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) = 50.500.000 đồng (Năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Do anh X có lỗi trong mối quan hệ hôn nhân của anh chị nên việc phân chia tài sản được tính theo tỷ lệ: chị Th được hưởng 6 phần, anh X được hưởng 4 phần. Như vậy chị Th được hưởng 30.300.000 đồng (do chị Th đang quản lý). Anh X được hưởng 20.200.000 đồng (Do chị Th đang quản lý, chị Th có trách nhiệm giao cho anh X số tiền trên).

Đối với yêu cầu của chị Th yêu cầu anh X, bà H và ông T trả công sức đóng góp cho chị trong thời gian 12 năm làm dâu với số tiền 219.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Tại phiên tòa chị Th xác định trong thời gian chị làm dâu thì chị nấu cơm, giặt quần áo và đi xỏ vuông, mặt khác khi chị và anh X ly thân chị đã ở lại gia đình chồng 02 năm chăm sóc cho cha mẹ chồng. Ngoài ra chị Th không có tạo lập hay đóng góp gì thêm vào khối tài sản chung của gia đình bên chồng.

Xét thấy rằng, tại phiên tòa, chị Th, anh X, và bà H đều thống nhất trình bày khi chị Th về làm dâu được vài tháng thì ông T và bà H có cho chị Th và anh X nuôi cua và được hưởng toàn bộ phần cua trong vuông của ông bà thời gian kéo dài hơn 12 năm, kể cả thời gian anh chị ly thân thì ông bà vẫn tạo điều kiện cho chị Th nuôi cua để có thu nhập, các chi phí trong gia đình kể cả việc chị đi điều trị bệnh, lo cho hai con anh chị ăn học, ông bà cũng góp một phần, ngoài ra anh chị còn nuôi cá sấu có thu nhập riêng và có một khoản tiền tiết kiệm gửi Ngân hàng. Nên yêu cầu của chị Th là không có cơ sở để chấp nhận.

Còn việc chị nấu cơm, giặt quần áo và đi xỏ vuông đó là bổn phận, trách nhiệm của người con dâu trong gia đình. Điều đó cũng phù hợp với truyền thống và đạo đức của người Việt Nam từ xưa đến nay. Việc chị nấu cơm, giặt quần áo trong gia đình không chỉ phục vụ riêng bản thân cho cha mẹ chồng chị mà còn phục vụ cho bản thân chị và các con chị.

Đối với số tiền chị Th vay của ông L, ông Đ và bà Th, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: số nợ trên phát sinh trong thời gian anh chị ly thân, chị Thúy cho rằng khi hỏi vay thì anh X không biết, lời trình bày của chị Th phù hợp với lời trình bày của anh X tại phiên tòa

cũng phù hợp với văn bản giải trình của ông L, ông Đ và bà Th. Do đó, số nợ này chị Th phải tự chịu trách nhiệm. Do chị Th đã thanh toán xong các khoản nợ trên cho ông L, ông Đ, bà Th và các đương sự trên không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự thẩm: Chị Th và anh X phải chịu quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; ; khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 53; Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị Th và anh Huỳnh Hoàng X là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Châu Đ, sinh ngày 17/8/2006 cho chị Huỳnh Thị Th trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng và giao cháu Huỳnh Hoài B, sinh ngày 16/6/2008 cho anh Huỳnh Hoàng X trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Chị Huỳnh Thị Th và anh Huỳnh Hoàng X không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Th được hưởng số tiền 30.300.000 đồng (Ba mươi triệu ba trăm nghìn đồng) (Do chị Th đang quản lý). Anh X được hưởng số tiền 20.200.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng). Do chị Th đang quản lý, chị Th có trách nhiệm giao cho anh X số tiền trên.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Th về việc yêu cầu anh Huỳnh Hoàng X, ông Huỳnh Văn T, bà Trần Thu H trả cho chị công sức đóng góp trong thời gian 12 năm làm dâu với số tiền 219.000.000 đồng.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Th phải chịu 300.000 đồng, ngày 04 tháng 7 năm 2017, chị Th đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008959 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Th phải chịu 1.515.000 đồng. Ngày 06/9/2017 chị Th đã dự nộp 5.475.000 đồng tại biên lai số 0009078 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, đối trừ chị Th được nhận lại 3.960.000 đồng.

Anh Huỳnh Hoàng X phải chịu 1.010.000 đồng. Ngày 24/7/2017 anh X đã dự nộp 1.430.000 đồng tại biên lai số 0009028 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, đối trừ anh X được nhận lại 420.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Huỳnh Hoàng X có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Huỳnh Thị Th chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị Th còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Chị Huỳnh Thị Th, anh Huỳnh Hoàng X và bà Trần Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Văn T, ông Lý Hoàng L, ông Cao Văn Đ và bà Huỳnh Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã An Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Ngọc Yên